

# PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

**Chủ giảng: Cô Lưu Tố Vân**

**Giảng lần thứ hai tại Lục Hòa tiểu viện ngày 21/11/2020**

## **Tập 6**

Chư vị đồng tu tôn kính, xin chào mọi người! A Di Đà Phật!

Hôm nay bắt đầu giảng kinh văn Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh

Chúng ta cùng xem Phẩm thứ nhất:

### **1. Pháp hội Thánh Chúng**

“Nhu thị ngã văn, nhất thời Phật tại Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn trung, dữ đại tỳ kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu. Nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt. Kỳ danh viết: Tôn giả Kiều Trần Như, tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Đại Mục Kiền Liên, tôn giả Ca Diếp, tôn giả A Nan đẳng, nhi vi thượng thủ”.

“Nhu thị ngã văn”, tôi nghe như vậy là câu đặt ở đầu kinh trong tất cả kinh điển nhà Phật. Câu này có nguồn gốc như thế nào? Dùng một câu để giải thích, đó là tuân theo “di ngôn của Thế Tôn”. Cụ thể một chút đó là lúc Thế Tôn sắp nhập Niết Bàn, A Nan đã thỉnh giáo Phật bốn vấn đề, trong đó có một vấn đề là “mở đầu hết thầy các kinh nên đặt chữ nào?”, Phật liền đáp rằng: “nên để như thị ngã văn”. Hiện nay hết thầy kinh điển nhà Phật, đầu kinh đều dùng câu “như thị ngã văn”, đây là tuân theo lời dạy của Phật, không phải do ai đó phát minh sáng tạo ra.

Hai chữ “như thị” hàm nghĩa sâu rộng, chúng ta không cách nào tưởng tượng được, hai chữ này hiện thị cảnh giới Như Lai quả địa, là thực tướng của các pháp được nhắc đến trong kinh Bát Nhã. Đức Phật vì chúng sanh tuyên thuyết vô lượng vô biên kinh luận và pháp môn, cũng vì nói rõ cho chúng sanh biết tướng chân thật của hết thầy các pháp, nói cách khác chính là “như thị”. Như thị không chỉ đại biểu cho hết thầy những điều Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết trong 49 năm, trong hơn 300 pháp hội, mà thậm chí còn đại biểu cho những điều mười phương thế giới vô lượng vô biên chư Phật Như Lai tuyên thuyết cho hết thầy chúng sanh, cũng không ngoài hai chữ “Như thị” này. Trong Quán Kinh giải thích hai chữ Như thị, Như là tâm này là Phật; Thị là tâm này làm Phật. Đây là lý luận của Quán Kinh. Chúng ta nghe rồi

có thể hiểu được, có thể thể hội được ý nghĩa thực sự của câu mà Phật giảng trong kinh này không, số lượng người hiểu không nhiều. Phật pháp viên dung, linh hoạt không cứng nhắc, nhưng mà có rất nhiều người học Phật lại học một cách chấp chặt, không những không có được niềm vui của việc học Phật, mà còn càng học càng phiền não, khổ không thể tả, sau đó hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, tạo tội nghiệt cực lớn. Tôi nhớ mấy năm trước, hình như đọc được trong một cuốn sách kết duyên, người học Phật có một trăm điều, điều đầu tiên là người học Phật đọa địa ngục. Tôi nghĩ mãi mà không hiểu, tại sao lại như vậy? Hai mươi năm nghe kinh nghe pháp đã giải trừ nghi hoặc này của tôi. Câu này nói không sai chút nào. Tại sao vậy? Bạn nói xem những người niệm Phật chính mình học Phật chưa rõ ràng, lại đi hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, họ không xuống địa ngục thì đi đâu? Họ tạo tội đọa địa ngục mà.

Tôi vừa nói, rất nhiều đồng tu học Phật quá cứng nhắc, quá chấp chặt, dùng lời hiện nay tức là chủ nghĩa giáo điều. Lấy một ví dụ thử, khi nãy tôi vừa nói “tâm này là Phật”, bốn chữ này bao nhiêu người học hiểu được chứ? Người học chưa hiểu sẽ nghĩ thế này: tâm này là Phật, ngoài là Phật thì những điều khác đều không phải; người học hiểu sẽ nghĩ thế này: tâm này là Phật, tâm này là Bồ Tát, tâm này là La Hán, tâm này là Địa Ngục, tâm này là Nga Quỷ, tâm này là Súc Sanh, tâm này là Vạn pháp, tâm này là vạn vật, tâm này là pháp giới, tâm này là... vô lượng vô biên, nói không hết được. Bạn tỉ mỉ suy nghĩ mà xem, có điều nào không phải? Tìm không thấy điều nào không phải. Kinh Vô Lượng Thọ giảng “tâm này là Phật”, tức “tâm này là thế giới Cực Lạc”; “tâm này làm Phật” tức “tâm này làm thế giới Cực Lạc”. Như Thị là Tín Thành Tụ. Tín Thành Tụ là điều đầu tiên trong sáu thứ thành tựu.

Người xưa giảng tín, ngũ thường giảng “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín”, tín đức là nền tảng. Có tín mới có trí huệ, có trí huệ mới có lễ phép, có lễ phép mới hiểu chánh nghĩa, có chánh nghĩa mới có từ bi, mới có thể thương mình thương người, tức là tâm nhân từ. Điều này cũng giống như tòa nhà năm tầng, tín là tầng đầu tiên, là nền tảng, không có tín, nhân nghĩa lễ trí đều không có. Bạn nói xem chữ tín này quan trọng biết bao. Tổ sư đại đức kết hợp ngũ giới với ngũ thường, thật sự là quá hay! Đây là giới căn bản trong nhà Phật. Kết hợp không sát sanh với nhân, không trộm cắp với nghĩa, không tà dâm là lễ, không uống rượu là trí, không vọng ngữ là tín. Tu hành phải bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ không vọng ngữ. Một đời này có thể không lừa gạt người khác, không nói dối, người này là người có đức hạnh, là thiện nam tử thiện nữ nhân trong nhà Phật nói đến. Họ có tu hành thì có thể chứng quả. Tại sao vậy? Họ có thành tín, chữ tín này quan trọng.

Trí Độ Luận nói “biển cả Phật Pháp, tin thì vào được”, Phật pháp rộng lớn vô biên, đem ví với biển lớn, ai có thể vào được? Người tin thì mới có thể vào, nếu hoài nghi thì chắc chắn không thể vào. Đây là nguyên nhân căn bản khiến truyền thừa Phật pháp khó khăn, truyền thừa giáo dục Thánh Hiền khó khăn trong thời đại này. Ai có thể truyền thừa? Người nào đầy đủ thành tín mới có thể truyền thừa. Lão pháp sư nói rằng: “người thành tín, tôi tin rằng đều là người tái lai, chư Phật Bồ Tát, đại Thánh đại Hiền tới thế gian này cứu khổ cứu nạn, các ngài quay lại cõi người để làm gì? Để truyền thừa pháp của Thánh Hiền, truyền thừa pháp của chư Phật”. Tại sao các ngài có thể truyền thừa? Bởi vì các ngài thành tín. Thành tín hiển lộ từ chân tâm; vọng tâm hiển lộ ra là hư dối, là vọng ngữ.

Chúng ta nhìn người thì phải nhìn từ chỗ này, biết được người nào sẽ có thành tựu, người nào rất khó có thành tựu. Kinh Hoa Nghiêm nói “tín làm tay, như người có tay đến chốn trần bảo, tùy ý nhặt lấy”, ý muốn nói người người vào núi báu, bạn có tay thì bạn có thể lấy được, nếu như không có tay thì “không thu hoạch được gì”. Núi báu dù trần bảo có nhiều hơn chặng nữa, không có tay cũng lấy không được. Dùng ví dụ này để so sánh. Có thể thấy “Tín là cửa đầu tiên để nhập pháp, bỏ tín thì không cách nào nhập được”, pháp này là Phật pháp, cũng là văn hóa truyền thống, pháp của Thánh Hiền xưa lưu lại. Cửa đầu tiên nhập pháp chính là chữ tín này. Chúng ta niệm Phật cầu vãng sanh, chữ tín này vô cùng quan trọng. Lìa khỏi tín thì không có cách nào khế nhập. Học trò thân cận thầy để cầu học, nếu như không có tín tâm đối với thầy, dù người thầy có đức hạnh đến đâu, có học vấn đến đâu bạn cũng không học được điều gì.

Đức Phật là bản sư của chúng ta, nếu chúng ta không tin tưởng lời của thầy mình, thì làm sao có thành tựu được? Cho nên trong Phật pháp, tín là điều kiện đầu tiên, bạn phải tin Phật, lời Phật nói ra câu nào cũng là sự thực, phải tin sâu không nghi ngờ. Xã hội loạn lạc hiện nay đã loạn tới mức độ trước nay chưa từng có, cả thế giới giống như kho thuốc súng vậy, con người đã tới thời khắc máu chót giữa sanh tử tồn vong, nhân loại sẽ đi về đâu? Ai tới cứu vớt loài người? Vận mệnh nằm trong tay chính mình, chỉ có loài người mới có thể cứu chính mình. Xã hội hiện nay, chữ tín quan trọng hơn bất cứ thứ gì, không chỉ là chúng ta cần mà cả thế giới đều cần. Nguyên nhân khiến xã hội này động loạn là gì? Là do đánh mất tín, đa phần đánh mất rồi. Rất nhiều lãnh đạo đất nước, chuyên gia học giả, tầng lớp trí thức đều đánh mất chữ tín này. Đánh mất tự tin, đánh mất niềm tin vào cha mẹ, đánh mất niềm tin vào thầy cô, không có niềm tin đối với truyền thống, dân tộc, Thánh Hiền xưa, tôn giáo. Lòng người không có nơi nương vè, hoang hốt mờ mịt, đó là căn nguyên khiến thế giới động loạn. Tìm thấy gốc thì phải làm thế nào? Phải tìm lại tín

tâm. Bắt đầu từ chỗ nào? Yếu tố đầu tiên của tín tâm là yêu thương chính mình. Con người hiện nay không yêu thương chính mình, chỉ có yêu thương chính mình mới có thể yêu thương người khác. Một người không yêu thương chính mình thì họ làm sao yêu thương người khác được? Trong thời đại hưởng thụ vật chất lan tràn này, rất nhiều người bị ô nhiễm trong bể hưởng thụ vật chất. Giá trị quan cuộc đời hoàn toàn điên đảo. Chúng ta phải đảo ngược giá trị quan cuộc đời này lại, khiến nó trở lại đúng vị trí. Dùng phương pháp gì khiến nó quay về đúng chỗ? Dùng phương pháp giáo dục của Phật giáo, dùng phương pháp giáo dục của văn hóa truyền thống, hai loại giáo dục này là một chứ không phải hai.

Chúng ta xem đại đức xưa giải thích hai chữ “Nhu nhị” này như thế nào. Ngẫu Ích đại sư trong “Di Đà Kinh Yếu Giải” nói như thế này “Nương theo lý Thật Tướng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ quyết định chẳng sai, nên bảo là Thị”, đại sư giảng rằng “nương theo lý Thật Tướng”, đồng tu sơ học nghe không hiểu lắm, không biết câu này có ý nghĩa gì? Nói thông thường thì “Thật Tướng” là chân tướng sự thật, cũng là chân tướng của vũ trụ nhân sanh mà chúng ta thường nói. Kinh điển Phật giáo chính là nói về chân tướng của vũ trụ nhân sanh. “Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ quyết định chẳng sai, nên bảo là Thị”, chẳng sai tức là chắc chắn không hề sai, hoàn toàn có thể tin tưởng được. “Lý” là lý do, có nghĩa là lý luận căn cứ, lý luận căn cứ trong kinh Phật có thể được xưng là “diệu lý”. Chúng ta vẫn phải nói tới diệu lý này, Thật Tướng Diệu Lý. Diệu trong Thật Tướng Diệu Lý, diệu ở chỗ nào? Diệu ở chỗ xưa nay chẳng đổi, không có không gian, cũng không có thời gian, ba ngàn năm trước ở ngay lúc này, ba ngàn năm sau cũng ngay lúc này. Nói cách khác tức là không có khoảng cách, không có bốn phương, bốn chiều, trên dưới; không có thời gian, không có quá khứ, hiện tại, tương lai, đây gọi là “Nhu”. Như lý mà nói, đem chân tướng nói ra, không nói sai, đây gọi là “Thị”

Nếu như chúng ta có thể nghe hiểu đạo lý đức Phật giảng thì bạn sẽ biết được, giữa vụ trụ này, hết thủy vạn sự vạn vật trong từng sát na đều đang biến hóa, không có thứ nào bạn có thể đạt được, bao gồm cả thân thể, bạn sẽ hiểu được dùng thái độ gì để đối đãi cuộc sống? Hết thủy thuận theo tự nhiên, như vậy là hoàn toàn đúng. Tâm thuận theo tự nhiên là chân tâm. Tâm thuận theo tự nhiên thì không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, hết thủy thuận theo tự nhiên. Có một niệm phân biệt, chấp trước, khởi tâm động niệm liền không tự nhiên nữa. Tự nhiên rất tốt, tự nhiên tương ứng với “như thị”, không tự nhiên không tương ứng với “như thị”.

“Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quyết định chẳng sai”, bạn tuân theo câu nói này đầy đủ viên mãn thì ngay lúc đó bạn liền tương ứng với “Nhu thị”. Thật Tướng Diệu Lý là gì? Là tự tánh của một niệm tâm, chính là bản thể, bản tánh, là bản tánh Chân Như mà chúng ta nói tới. Cách nói khác nhau, ý nghĩa tương đồng. Tự tánh này là thật, có thể sanh có thể hiện. Hiện ra điều gì? Hiện ra toàn bộ vũ trụ. Toàn bộ vũ trụ là từ tự tánh của một niệm tâm hiện ra, là câu mà đại sư Lục tổ Huệ Năng nói khi ngài khai ngộ: “nào ngờ tự tánh có thể sanh ra muôn pháp”, đây là thứ mà một niệm tâm có thể sanh ra. Trong thuật ngữ Phật pháp, toàn bộ vũ trụ gọi là mười pháp giới y chánh trang nghiêm, là từ một niệm tâm sanh ra, hiện ra. Còn cái mà A Lại Da biến ra, A Lại Da là vọng tâm, chân tâm năng hiện năng sanh, còn vọng tâm biến nó thành mười pháp giới, biến thành lục đạo luân hồi. Nếu như không có vọng tâm thì mười pháp giới, lục đạo đều không còn nữa, đó là giả, vậy thì cái còn lại là gì? Là Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Thật Báo Trang Nghiêm Độ là từ một niệm tâm mà hiện ra. Mười pháp giới, lục đạo luân hồi, lại thêm A Lại Da đều là do một niệm vọng tâm biến ra. Vọng tâm khiến cho chân tâm, khiến cho Nhất Chân pháp giới trở thành mười pháp giới, trở thành lục đạo luân hồi.

Có một vấn đề muốn hỏi các bạn, có thể xem mười pháp giới, lục đạo là Nhất Chân pháp giới được không? Câu trả lời của tôi là có thể. Tại sao vậy? Buông xuống vọng tâm là được! Mười pháp giới cũng tốt, sáu đường cũng tốt, chỉ là hiện tượng mà vọng tâm khiến cho những gì chân tâm biến hiện ra bị sai lệch đi mà thôi. Nhớ kỹ, thứ mà chân tâm hiện ra, thứ mà vọng tâm biến ra. Một cái là hiện, một cái là biến, hiện là thật, biến là giả. Buông xuống vọng tâm thì chân tâm hiện ra, vốn chính là Nhất Chân pháp giới. Đạo lý đơn giản như vậy đó, xem bạn có hiểu hay không, có biết hay không.

Trong cuốn Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có một ví dụ, có một người sắp vãng sanh, đức Phật tới tiếp dẫn người đó, người bên cạnh người đó hỏi, thế giới Cực Lạc ở đâu? Người đó trả lời, ở bên cạnh, nói xong liền vãng sanh. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Ở trong nhà chính. Câu nói này có nghĩa là gì? Nói cho chúng ta biết thế giới Cực Lạc chính tại ngay đây. Nhưng mà chúng ta nghe không hiểu, còn cho rằng người sắp chết nên nói lung tung. Cũng như màn hình ti vi vậy, bấm nút đổi kênh là được, chính là như vậy. Lời tôi nói đều là lời thật, tin hay không tùy bạn. Tôi đã bấm nút chuyển kênh rồi, chuyển sang kênh của A Di Đà Phật. Thật tuyệt diệu!

Nói này giờ nhiều như vậy, toàn bộ đều là nói hai chữ Như thị, có đồng tu có thể không hiểu lắm, tại sao hai chữ mà lại nói nhiều như vậy? Để tôi giải thích cho mọi người một chút. Thứ nhất, hai chữ này quan trọng. Hai chữ Như Thị bao hàm

hết toàn bộ Phật pháp, hai chữ này là lý luận căn cứ của toàn bộ kinh văn. Nói cách khác tức là bạn dựa vào điều gì mà nói như vậy? Phải khiến người khác tâm phục khẩu phục. Bạn nói ra phải có lý luận có căn cứ, người khác mới phục được.

Như thị là Tín Thành Tụ của bộ kinh này, đó là trước tiên phải giải quyết vấn đề tín. Hiểu rõ đạo lý rồi, tin tưởng hết thầy Pháp mà đức Phật thuyết đều căn cứ vào chân tướng sự thực. Không phải là vọng tưởng, lý tưởng, suy đoán, hoàn toàn giảng về chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Có thể tin! Thứ hai, quan tâm đến nhu cầu của các đồng tu trình độ khác nhau. Đây là sự gợi ý từ lời nhắn của bạn đồng tu trên mạng. Tôi không nhớ chính xác câu đó như thế nào, đại khái là nói những chuyện trà dư tửu hậu không đủ đẳng cấp, nghe không đã tai. Bạn ấy nói pháp thoại “Mộc pháp ngộ tâm” lần này còn tạm được, có thứ bạn ấy muốn nghe. Bạn ấy hi vọng tôi có thể giảng nội dung có cấp độ cao hơn. Lời nhắn của bạn đồng tu này khiến tôi rất cảm động, niềm tin và mong cầu của bạn ấy dành cho tôi, có thể nhìn ra được bạn ấy là người nghiêm túc cầu học. Đây là người tu hành số lượng không nhiều trong vô số người học Phật. Tôi cảm ân sự tin tưởng và khích lệ của bạn ấy, chân thành đánh lễ cảm ân, tùy hỷ công đức của bạn. Quan tâm đến nhu cầu của các đồng tu có trình độ khác nhau, nếu như nói làm tới mức hoàn hảo thì tôi làm không được, phải nói lời thật. Nhưng mà tôi sẽ tận lực làm, tận lực làm tới mức độ nào? Xin mọi người đừng cười tôi, tôi nói đùa với mọi người thôi, tôi sẽ liều cái thân già này của mình. Đợi tôi vãng sanh các bạn sẽ nói, bà lão này cũng thật thực tế, biết gì đều nói hết cho chúng ta. Nghe được lời này tôi cũng thỏa mãn cùng đấng cha hiền trở về nhà rồi. Tôi ở nơi đó đợi mọi người, chúng ta gặp mặt ở Tây Phương Cực Lạc. Thứ ba, dạy học có tính gợi mở thì hiệu quả tốt. Điều này tôi học được từ giáo viên dạy toán cấp hai của tôi. Có thể chia làm ba cấp bậc:

Cấp bậc thứ nhất: giáo viên dạy toán thông thường giải đề toán chỉ có một cách giải, học sinh chỉ biết cách giải này.

Cấp bậc thứ hai: giáo viên dạy toán cao minh hơn một chút giải đề toán có thể dạy hai ba cách giải, học sinh được mở mang tầm mắt, học được nhiều tri thức hơn

Cấp bậc thứ ba: giáo viên dạy toán càng cao minh hơn sẽ dùng phương pháp dạy học có tính gợi mở, dẫn dắt học sinh cùng nhau tìm cách giải, khích lệ học sinh tích cực hơn, làm phong phú thêm kiến thức, có em còn học một biết ba, thậm chí là học một biết bốn biết năm, hiệu quả dạy học vô cùng tốt, dạy và học cùng tiến bộ.

Lần này giải thích hai chữ Như thị, tôi thử dùng phương pháp giải đề toán, từ nhiều góc độ, từ nhiều cấp bậc để giải thích. Đồng tu trình độ khác nhau đều có thể

tìm được câu trả lời mà mình nghe hiểu. Như thị đã giải thích xong, tiếp theo tôi sẽ giải thích “Ngã văn”.

### “Ngã văn”

“Ngã văn” là Văn Thành Tự

Thích Ca Mâu Ni Phật lúc còn tại thế giảng kinh thuyết pháp 49 năm, không hề lưu lại tác phẩm nào cho đời sau. Vậy thì kinh điển của Phật từ đâu mà có? Là sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, đệ tử của Phật kết tập kinh điển. Cũng giống như Luận Ngữ, không phải do thầy Khổng Tử viết, mà là sau khi thầy Khổng Tử qua đời, học trò nhớ lại những điều thầy dạy bảo, ghi chép lại truyền cho đời sau. Kinh điển Phật giáo cũng như vậy, là các đệ tử ghi chép lại truyền cho đời sau. Nhưng mà kinh Phật có một điểm khác với Luận Ngữ, Luận Ngữ là do học trò khác nhau của thầy Khổng Tử ghi chép lại, kinh Phật do đệ tử Phật cùng nhau kết tập mà thành. Qua trình kết tập là giảng lại một lượt hết thầy kinh điển mà năm đó Thích Ca Mâu Ni Phật giảng khi còn tại thế, sau đó ghi chép thành kinh sách. Quá trình kết tập kinh Phật vô cùng nghiêm túc cẩn thận.

Thứ nhất là giảng lại một lượt hết thầy kinh điển mà năm đó Thích Ca Mâu Ni Phật giảng khi còn tại thế, sau đó ghi chép thành kinh sách. Đây là hình thức giảng lại sớm nhất. Ai giảng lại? Tôn giả A Nan. Tại sao vậy? Vì tôn giả A Nan có trí nhớ vượt xa người khác, giống như máy vi tính, máy thu âm thời hiện đại vậy, ngài ấy nghe qua một lần không bao giờ quên, gọi là “ức trì bất vong”. Hết thầy đồng tu đều tiến cử tôn giả A Nan giảng lại, Tôn giả A Nan là người giảng lại đầu tiên cũng là người giảng lại sớm nhất trong lịch sử Phật giáo. Có thể nói, tôn giả A Nan là thủy tổ giảng lại kinh Phật.

Thứ hai là năm trăm người tham dự vào công việc kết tập kinh điển, năm trăm người này đều chứng quả vị A La Hán

Thứ ba là chế độ một phiếu bác bỏ

Trong năm trăm người, chỉ cần có một người nghi ngờ câu nói nào đó, cho rằng câu mà tôn giả A Nan nói hình như không phải câu Phật từng giảng thì câu này phải bị loại ra. Nhất định phải nhận được sự đồng ý của năm trăm người này, toàn bộ bỏ phiếu thông qua thì mới được ghi chép lại truyền cho đời sau. “Ngã văn”, lúc A Nan kết tập pháp tạng, tự nói “pháp môn như thế tôi nghe từ đức Phật”. Ngã là A Nan tự xưng, Văn là đích thân nghe, không phải nghe lại từ người khác. “Đem điều ấy bảo với đại chúng thì thật đủ để chúng tín”. Câu này ý muốn nói với năm trăm vị A La Hán tham dự kết tập kinh điển rằng những điều bộ kinh này nói đều là do tôi tự

mình nghe Thích Ca Mâu Ni Phật tuyên giảng. Để đại chúng sanh tín tâm đối với những điều A Nan nói, đại chúng cũng có thể chứng tín cho A Nan.

“Ngã văn” biểu thị sự thừa. Điều tôi được nghe đều từ kim khẩu đức Thế Tôn nói ra, truyền thừa có đầu mối, quyết định chẳng phải do người khác nói ra, hoặc tôi tự bịa ra, dùng đây để chứng tín. Liên quan đến bốn chữ “Nhu thị ngã văn”, tạm thời nói tới đây thôi. Bốn chữ này mặc dù kinh điển nào cũng có, nhưng ý nghĩa có sự sâu cạn rộng hẹp khác nhau. Bốn chữ này có vô lượng nghĩa, mười phương chư Phật Như Lai giảng vô lượng kiếp cũng giảng chưa hết. Trong quá trình tu học của chúng ta, có thể hiểu nhiều hơn ý nghĩa thực sự của bốn chữ này. Chúng ta hiểu được bao nhiêu cũng tỷ lệ thuận với việc chúng ta buông xuống được bao nhiêu. Buông xuống rất quan trọng! Không buông xuống được, chúng ta vĩnh viễn là kẻ mù kẻ điếc, vĩnh viễn không thoát ra khỏi lục đạo luân hồi được.

Trong phần “Nhu thị ngã văn”, tôi sẽ giải thích cho mọi người hai nghi vấn. Nghi vấn thứ nhất: ngày Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo thì A Nan mới ra đời, hai mươi năm sau A Nan mới làm thị giả cho đức Phật. Vậy thì trước khi A Nan ra đời và trước khi A Nan làm thị giả cho đức Phật, kinh Phật giảng A Nan chưa từng nghe qua, vậy thì A Nan làm sao giảng lại được chứ?

Đối với vấn đề này, lúc tôi giao lưu với các bạn đã từng trả lời rồi, hôm nay không định nhắc lại nữa. Tôi muốn thay đổi góc độ, dùng phương pháp kể chuyện để gợi ý mọi người tự mình tìm ra câu trả lời. Tôi nghĩ nên dùng phương pháp gợi mở nhiều hơn, bớt nhồi nhét đi có thể hiệu quả sẽ tốt hơn. Tiếp theo tôi sẽ giảng một câu chuyện có liên quan đến A Nan:

Tôn giả A Nan là đa văn đệ nhất trong mười vị đại tỳ kheo đệ tử của đức Phật. Vào thời đó tuổi của tôn giả A Nan nhỏ nhất trong tăng đoàn, tướng mạo vô cùng trang nghiêm, thông minh lại đa văn, đức Phật rất yêu mến A Nan. Đức Phật thường thuyết pháp cho A Nan, dạy A Nan phải có niềm tin kiên định đối với Tam Bảo, nói với A Nan rằng niềm tin bất hoại còn quan trọng hơn nghiêm trì giới luật. Có một lần A Nan tuân theo chỉ thị của đức Phật, lễ bái A Di Đà Phật của thế giới Tây Phương Cực Lạc, được thấy A Di Đà Phật phóng ánh sáng từ bi, A Nan thật sự là đứa con may mắn, ngài dễ dàng được Phật quang che chở hơn người khác. A Nan là thị giả của đức Phật, ngài thường hầu hạ bên cạnh đức Phật, khi mọi người thỉnh ngài tới hầu hạ đức Phật, ngài đã nêu ra ba nguyện vọng, muốn tôn giả Mục Kiền Liên chuyển lời tới đức Phật. Ba nguyện vọng của ngài là:

Thứ nhất, y phục của đức Phật, cho dù là mới hay cũ ngài cũng tuyệt đối không mặc.



Thứ hai, nếu như có tín chúng tới thỉnh đức Phật đến nhà cúng dường, ngài không thể đi theo hầu hạ.

Thứ ba, không gặp đức Phật khi không đúng lúc.

Tôn giả Mục Kiền Liên trình bày với đức Phật nguyện vọng của A Nan, đức Phật hoan hỉ tán thán rằng: “A Nan thật là một vị tỳ kheo có phẩm chất, yêu cầu mà A Nan đưa ra để đề phòng bị chê trách. A Nan sợ rằng chúng tỳ kheo phê bình A Nan vì muốn mặc y phục mới hầu hạ đức Phật, A Nan muốn đề phòng cho nên mới yêu cầu như vậy. Tín chúng tới gặp đức Phật, đức Phật thuyết pháp tùy theo cơ duyên đã chín muồi hay chưa, A Nan đều biết được, ngài ấy thực sự là người thông minh hiền năng”. Sau khi A Nan làm thị giả cho đức Phật, ngài thường theo sau Phật đi khắp nơi hoằng pháp, vì nhân duyên như vậy mà Phật pháp nhiều như biển lớn, toàn bộ đều chảy vào trong tâm của A Nan. Đức Phật ngày một lớn tuổi, có một hôm trên đường đi giáo hóa, đức Phật ngồi nghỉ dưới một gốc cây rồi nói với A Nan: “A Nan, vì cứu vớt huệ mạng của chúng sanh đang trầm luân trong bể khổ, người đi giáo hóa không nên chối từ bất kì khổ cực nào. Con và ta thường đi khắp nơi giáo hóa, con đã nuôi dưỡng tín tâm, huệ tâm, từ bi tâm. Bây giờ ta rất khát, muốn uống ít nước, con lấy bình bát của ta đi tới con sông bên kia lấy ít nước về cho ta uống”.

A Nan đi tới bờ sông, một lát sau quay lại với bình bát trống rỗng, nói với đức Phật rằng: “Thưa thầy! Con tới bờ sông thì thấy nước sông đục ngầu, con nghe người khác nói, hôm nay trên thượng lưu có rất nhiều xe ngựa đi qua sông, cho nên nước sông dùng để rửa chân thì được nhưng tuyệt đối không thể uống, sông Câu Tôn cách đây không xa, đến nơi đó uống nước rồi tắm rửa cũng được”. Đức Phật tiếp tục uy nghiêm dặn dò: “A Nan! Lấy nước tới đây! Không phải lo, con cứ mang nước đó tới đây!”. A Nan không còn cách nào khác, chỉ đành đi lấy nước. Thật không thể nghĩ bàn, lúc này nước sông trong vắt như gương soi vậy. A Nan nhìn thấy rất vui mừng, ngài cảm động bởi uy đức thần lực của đức Phật.

Có một hôm, chỉ trong một đêm mà A Nan mơ thấy bảy chuyện kì quái. Trong lòng ngài hoảng sợ, ngài đi tới trước chỗ ngồi của đức Phật, kể lại theo đúng những gì đã mơ: “thưa thầy! Trong lòng con có chuyện nghi ngờ muốn thỉnh Phật khai thị. Tôi hôm qua con nằm mơ, chúng ta vốn không để ý tới giấc mộng, nhưng mà tôi hôm qua con mơ thấy bảy chuyện đều rất kì quái, cho nên bây giờ con tới khẩn thỉnh Phật từ bi giải thích cho con. Bảy chuyện con mơ thấy như sau:

Thứ nhất, con mơ thấy sông lớn biển cả đều bị lửa lửa làm khô cạn.

Thứ hai, con mơ thấy mặt trời rơi rụng, thế giới Ta Bà tối đen, con dùng hết sức đội đỉnh núi Tu Di.

Thứ ba, con mơ thấy các Tỳ kheo không tuân giữ giới luật treo áo cà sa.

Thứ tư, con mơ thấy pháp y của Tỳ kheo không vẹn toàn, quanh đi quẩn lại trong cảnh chông gai.

Thứ năm, con mơ thấy cây chiên đàn tươi xanh, có rất nhiều heo rừng tới bới gốc cây.

Thứ sáu, con mơ thấy voi con không nghe lời voi lớn, dẫm đạp lên cỏ xanh, làm vẩn đục nước sông, voi lớn không còn cách nào, chỉ đành tránh đi nơi khác, một mình đến nơi cỏ xanh nước trong. Voi con vô tri, đợi đến khi cỏ nước thiếu thốn, chết vì đói khát.

Thứ bảy, con mơ thấy vua của trăm thú là sư tử chết đi, các loài điều thú còn trùng không dám đến gần ăn thịt, nhưng mà từ trong thân sư tử tự có đời sanh ra, còn rúc rĩa ăn thịt sư tử.

Bạch Phật! Đây đều là giấc mộng kì lạ, con thật sự không hiểu tại sao mình lại mơ giấc mộng kì lạ như vậy? Đức Phật nghe xong bảy chuyện mà A Nan gặp trong mộng, đáng vẻ ngài rất ưu tư, vô cùng cảm khái nói rằng: “A Nan, cảnh mộng do tâm tạo, nhưng có lúc cảnh mộng đích thực là điềm báo tương lai tốt xấu. Bảy chuyện mà con gặp trong mộng, sớm đã nằm trong dự đoán của ta, bây giờ ta sẽ giải thích từng chuyện cho con:

Thứ nhất: con mơ thấy sông lớn biển cả đều bị lửa lửa làm khô cạn, chuyện này tượng trưng cho tỳ kheo trong tăng đoàn tương lai làm trái lời Phật dạy, nhận sự cúng dường, tạo nên tranh đấu.

Thứ hai: con mơ thấy mặt trời rơi rụng, thế giới Ta Bà tối đen, con dùng hết sức đội đỉnh núi Tu Di, điều này muốn nói 90 ngày nữa ta sẽ nhập Niết Bàn, tương lai sẽ do con dẫn dắt đại chúng tỳ kheo, chư Thiên, người dân thọ nhận kinh giáo.

Thứ ba: con mơ thấy các Tỳ kheo không tuân giữ giới luật treo áo cà sa, điều này muốn nói sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, tương lai tỳ kheo mở pháp hội giảng kinh thuyết pháp, tuy trì Phật pháp thâm sâu, miệng thì tuyên giảng nhưng lại không làm theo.

Thứ tư: con mơ thấy pháp y của Tỳ kheo không vẹn toàn, quanh đi quẩn lại trong cảnh chông gai, đó là sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, trong tương lai có rất

nhiều tỳ kheo không có pháp y, mặc y phục của người bình thường, phế bỏ giới luật vui với lễ đời, lấy vợ sanh con.

Thứ năm: con mơ thấy cây chiên đàn tươi xanh, có rất nhiều heo rừng tới bới gốc cây, đó là sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, tương lai tỳ kheo không phát tâm tuyên giảng chánh pháp của đức Phật nữa, chỉ quan tâm tới cuộc sống của chính mình, buôn bán Như Lai, lấy Phật sự tụng kinh siêu độ làm việc chính.

Thứ sáu: con mơ thấy voi con không nghe lời voi lớn, dẫm đạp lên cỏ xanh, làm vẩn đục nước sông, sau cùng đói khát mà chết. Điều này muốn nói sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, tương lai trong tăng đoàn có tỳ kheo trưởng lão trì giới, hiểu rõ kinh điển, chỉ dạy hàng hậu học trẻ tuổi, diễn nói tội phước, như bóng theo hình, nhưng hàng hậu học trẻ tuổi không chịu tin tưởng y giáo phụng hành, sau khi chết đọa vào địa ngục.

Thứ bảy: con mơ thấy vua của trăm thú là sư tử chết đi, các loài điều thú còn trùng không dám đến gần ăn thịt, nhưng mà từ trong thân sư tử tự có dòi sanh ra, còn rúc rĩa ăn thịt sư tử. Điều này muốn nói lúc đức Phật còn tại thế thuyết giảng rất nhiều kinh pháp. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, không có ngoại đạo nào có thể phá hoại chánh pháp của Phật, nhưng mà đệ tử xuất gia tại gia, đệ tử thất chúng của ta lại tự mình phá hoại pháp của ta.

A Nan! Bảy chuyện con gặp trong giấc mộng chính là dự báo tương lai Phật giáo. Sau khi Phật nói xong, ánh sáng của Phật hình như đang âm ảm dần. A Nan đa văn, nghe đức Phật kể tiền đồ tương lai của Thánh giáo, trong lòng đau buồn. Sau đây tôi sẽ đơn giản giới thiệu với mọi người về đệ tử Thất chúng. Thứ nhất – tỳ kheo; thứ hai – tỳ kheo ni; thứ ba – Sa di; thứ tư – Sa di ni; thứ năm – Thức xoa ma na; thứ sáu – Ưu bà tắc; thứ bảy – Ưu bà di. Các bạn nghe xong câu chuyện này có cảm nhận gì? Coi như giao bài tập cho các bạn, có thể nói ra một hai ba bốn năm cảm nhận không? Các bạn thử xem. Đối với nghi vấn đầu tiên mà chúng ta đưa ra, bạn có tìm được mấy câu trả lời trong những câu chuyện này? Có thể tham khảo những gì trước đây tôi từng giảng.

Nghi vấn thứ hai: Thánh nhân vô ngã, tại sao A Nan lại tự xưng là ngã? Đối với vấn đề này, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có giải thích như sau: “Thánh nhân vô ngã sao A Nan lại tự xưng là Ngã, vì chẳng hoại giả danh vậy! Thật Tướng vô tướng nên chẳng giống như phàm phu có Ngã. Thật Tướng chẳng phải là bất tướng nên chẳng giống Vô Ngã của Tiểu Thừa. A Nan thuận theo thế gian giả gọi là Ngã thì chẳng trái nghịch Đệ Nhất Nghĩa Đế”. Quán Kinh Sớ nói: “Không Ngã thì không ai nghe, không ai nghe thì sự giáo hóa tuyệt. Vì để truyền dạy, hóa độ chẳng tuyệt, giả danh

nói Ngã”. Đối với hai câu nói này phải hiểu như thế nào? Tôi sẽ cố gắng giảng đơn giản để hiểu một chút. Nửa đầu quyển kinh Kim Cang nói rằng “Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”, đây là những gì Thánh nhân Tiểu Thừa chứng đắc. Thánh nhân mặc dù chứng đắc Vô Ngã, nhưng mà nói chuyện với đại chúng, giao lưu với đại chúng phải xưng ngã, người khác mới hiểu, nếu như không xưng ngã, người khác nghe không hiểu. Mọi người thử xem, nếu như bạn giao lưu với người khác, đem chữ ngã – tôi bỏ đi, vậy thì không cách nào nói chuyện được. Chúng ta qua lại với chúng sanh, phải hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Bạn vẫn phải dùng tri kiến của phàm phu mới có thể qua lại với họ, nếu không thì bạn không thể độ hóa chúng sanh. Nói cách khác, nói “ngã” là nhu cầu để độ chúng sanh. Phải hòa quang đồng trần với chúng sanh, có chung tiếng nói mới có thể độ chúng sanh.

Chữ “ngã” này là giả danh, mượn giả danh này dùng để làm gì? Tôi vừa mới nhắc tới bốn câu trong Quán Kinh Sớ: “Không Ngã thì không ai nghe, không ai nghe thì sự giáo hóa tuyệt. Vì để truyền dạy, hóa độ chẳng tuyệt, giả danh nói Ngã”, câu này nói rất rõ ràng, vì để truyền dạy hóa độ chẳng bị đoạn tuyệt, giả danh nói ngã. Mượn giả danh này để truyền đạo, hóa độ chúng sanh. Dùng giả danh này còn không được làm hỏng giả danh này. Tôi nói vậy có ý gì? Không được lấy giả làm thật, coi giả danh này là thật, vậy thì phiền phức rồi. Các bạn nghĩ mà xem, ví dụ trong cuộc sống của chúng ta rất nhiều, tùy tiện nêu ra cũng có một đống. Tham sân si mạn, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, nhân ngã thị phi, v.v... Có điều nào rời được khỏi “ngã”? Chúng ta coi “ngã” này thành thật. Vốn là mượn giả danh này dùng một chút, dùng không tốt, coi giả thành thật, rơi vào bẫy rồi, làm nô lệ cho giả danh này, không thể thoát ra được. Làm thế nào chỉ mượn giả danh này mà không làm hỏng giả danh này?

Lão pháp sư dạy chúng ta: giả danh giả tướng đều không phá hoại, có thể tùy thuận theo, mặc dù tùy thuận nhưng không được để ở trong lòng, không để ở trong lòng thì không có chướng ngại; để ở trong lòng thì bị ô nhiễm, tại sao vậy? Để ở trong lòng thì tâm động, tâm động thì không còn thanh tịnh nữa. Chuyện gì cần làm vẫn làm, làm xong thì buông xuống, không quan tâm kết quả thế nào, tận tâm tận lực là viên mãn rồi. Như vậy mới thật sự không làm hỏng giả danh, không làm hỏng giả tướng.

Nhận thức của tôi đối với giả danh này, là nhận được sự gợi ý từ chồng của tôi – Bồ Tát Lưu Minh Hoa. Ngày 19/05/2019, hai ngày trước khi chồng tôi vãng sanh, ông ấy nói với tôi mười hai câu, trong đó có hai câu là “đời này tới giúp bà,

giả danh làm vợ chồng”, tôi không hiểu, không phục, nói lại ông ấy: ông nó à, ông có ý gì vậy? Chung sống với ông 53 năm, cuối cùng lại là giả danh vợ chồng, ông giải thích cho tôi xem, chuyện này là thế nào. Ông ấy chậm rãi nhìn tôi, giật con mắt bên phải, lại giật con mắt bên trái, sau đó đôi tai động đậy, miệng trở ra. Tôi nói, đừng chuyển sang đề tài khác, trả lời vấn đề của tôi. Ông ấy dùng tay chỉ ra ngoài cửa, ý muốn nói có người tới, đừng nói nữa.

Ông ấy không giải thích cho tôi nghe, lúc tôi soạn bài giảng thì câu trả lời xuất hiện. Chồng tôi nói không sai chút nào, là giả danh vợ chồng mà. Tỉ mỉ nghĩ lại, có Lưu Minh Hoa không? Không có, Lưu Minh Hoa là giả; có Lưu Tô Vân không? Không có, Lưu Tô Vân cũng là giả; có vợ chồng không? Không có, vợ chồng cũng là giả. Đều là giả danh, tạm thời dùng mà thôi.

Viết tới đây tôi nhớ tới một chuyện. Mười năm trước có một cô đồng tu tới tìm tôi, kể kể nỗi khổ trong lòng cô ấy, chồng cô ấy ngoại tình, tới hỏi tôi cô ấy phải làm sao? Tôi là người ăn nói vụng về, không biết khuyên người khác. Hôm đó không biết vì sao có linh cảm, tôi lại biết khuyên người khác. Mọi người có biết tôi khuyên thế nào không? Tôi nói như vậy: cô biết trượng phu nghĩa là gì không? Cô ấy nói, trượng phu là chồng. Tôi nói đó là cách xưng hô của người hiện nay, thời xưa gọi chồng là phu quân. Tôi nói hai chữ trượng phu giải thích như thế này: “Trượng” là chiều dài, ở đây có nghĩa là cự ly; “phu” tức là phu quân. Kết hợp lại có nghĩa là người chồng trong một trượng của bạn. Ngoài một trượng muốn của ai là của người đó. Bên ngoài có người hầu hạ chồng cô, cô càng bớt việc, thời gian còn lại đều thuộc về cô, lo mà niệm Phật. Đây không phải là chuyện tốt sao? Cô phải cảm ơn chồng mình! Tương lai cô thành Phật, cũng có một phần công lao của chồng mình! Giúp cô qua ải nhân nhục đó!

Cô bạn đồng tu nghe tôi giải thích xong há hốc miệng, sau đó cười nói: cô Lưu, cách giải thích của cô thật khác người. Lần đầu tiên nghe từ “Trượng phu” được giải thích như vậy. Tôi nói tôi là người kì lạ, giải thích vấn đề cũng kì lạ. Bạn đồng tu nào có cùng cảnh ngộ, nghe xong câu chuyện này có cảm nhận gì? Có nhận được sự gợi ý nào từ trong đó không? Có đồng tu gặp cảnh ngộ như vậy nhưng không vượt qua được, giày vò chính mình, đau khổ không muốn sống. Có người thì lại dùng cách quản thật chặt, xem điện thoại, canh chồng mình, thật khờ dại biết bao. Bạn có thể trông chừng được mãi sao? Bạn có thể trông chừng chồng mình, nhưng có thể trông chừng được tâm của chồng mình không? Hơn nữa chưa chắc bạn đã có thể trông chừng được chồng mình. Có người khóc lóc, van cầu. Tôi cảm thấy không nên làm vậy, bạn càng làm vậy, chồng bạn càng coi thường bạn. Bạn thấy có đúng

không? Lần này nghe được giả danh giả tướng, nghe hiểu rồi, bạn sẽ biết phải làm thế nào. Tặng cho mọi người bốn câu:

Kiều ngạo không được có

Khí phách không thể không

Nếu người không khí phách

Khó ngẩng đầu trước người

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây thôi, cảm ơn mọi người! A Di Đà Phật!